TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng, ông Nguyễn Văn Chìu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 330/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025,giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh ngày 23/10/2001; Căn cước công dân số 030301010674 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/11/2022.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã N, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan;

Người được chị L ủy quyền về việc giao nhận văn bản: Chị Vương Thị Lan A, sinh năm 1992; ĐKHKTT: Thôn Uông Hạ, xã Thái Tân, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày: 08/10/1991; Căn cước công dân số 030091019644 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/9/2021.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Kiều L, xã N, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Hữu Đ, sinh năm 1974,

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự, chị Lan và ông Đương đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Tình vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) ngày 16/9/2021. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình nhà chồng tại K, N. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, chủ yếu những mâu thuẫn liên quan đến lối sống, suy nghĩ. Tháng 9/2022 anh T đi lao động tại Đài Loan, đến tháng 10/2023 chị cũng sang Đài Loan lao động. Mặc dù làm ăn xa nhà nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thuyên giảm mà vẫn cứ tiếp diễn, tranh cãi, từ cách nhìn nhận cuộc sống cũng khác nhau, suy nghĩ hai bên không hòa hợp, anh chị không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm để tiếp tục xây dựng cuộc hôn nhân hạnh phúc, đời sống hôn nhân rơi vào tình trạng bế tắc không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Nhật V, sinh ngày 06/06/2022, hiện đang ở với ông Phạm Hữu Đ. Chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Phạm Hữu Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan nên ủy quyền cho chị Vương Thị Lan A thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Tình. Bà Phạm Thị L1 (là mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Tình ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh T vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Tình biết. Qua liên lạc và thông qua gia đình anh T trình bày: Trong thời gian chung sống tại Đài Loan, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ

chồng không hợp và thường xảy ra cãi nhau, chuyện bé xé ra to, anh nhiều lần khuyên bảo nhưng chị L không nghe, hiện tại anh cũng chưa có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh đề nghị Tòa án cho thời gian để khuyên bảo chị L, bản thân anh không mong muốn ly hôn, chị L cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành. Bên cạnh đó bà L1 xác định, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh chị cùng sang Đài Loan làm việc nhưng vợ chồng không hợp nhau, không quan tâm đến nhau và không sống cùng nhau, chị L không quan tâm đến chồng và gia đình nhà chồng, chị cũng không liên lạc về cho bà. Chị L có đơn xin ly hôn, bà đã khuyên bảo anh T và thông qua thông gia để khuyên bảo chị L nhưng không có kết quả nên bà đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật. Bà xác định vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng, hiện cháu Nguyễn Nhật V đang sống cùng ông bà ngoại, do khuyên bảo anh chị không được nên bà đề nghị ông bà thông gia tiếp tục chăm sóc cháu V cho đến khi bố mẹ cháu về nước. Tài sản chung không có nên anh T không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu Đ trình bày: Ông là bố đẻ chị Phạm Thị Ngọc L. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống căng thẳng, mệt mỏi. Mâu thuẫn kéo dài khiến cho tình trạng vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh T. Làm cha mẹ, ông không mong muốn anh chị ly hôn, gia đình nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị L, anh T có 1 con chung là Nguyễn Nhật V, sinh ngày 06/06/2022, cháu Nhật V ở với ông bà từ nhỏ cho đến nay, hiện cháu khỏe mạnh và phát triển tốt. Chị Lan đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh Tình phải cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, chị L ủy quyền cho ông chăm sóc cháu Nhật V cho đến khi chị về nước ông nhất trí.

Người được chị L ủy quyền giao, nhận văn bản chị Vương Thị Lan A trình bày: Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị L, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị Lan biết. Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Theo xác minh tại thôn K, xã N: Chị L, anh T có đăng ký kết hôn theo

quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Tình được một vài năm thì anh, chị đi lao động tại Đài Loan. Anh chị không sống tại địa phương nên địa phương không nắm bắt được mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị L có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS;Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc L, cho chị Phạm Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật V, sinh ngày 06/06/2022 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Tình cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí DSST theo quy định (người đại diện theo ủy quyền là chị Vương Thi Lan A nộp thay).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn K, xã N, thành phố Hải Phòng, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện chị Lan không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và ủy quyền cho chị Vương Thị Lan A nộp đơn đến Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng. Các tài liệu này đã được Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị Lan là hoàn toàn tự nguyện.

[1.3] Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, chị L và ông Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh Tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) ngày 16/9/2021 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2022 - 2023 anh T, chị L cùng sang Đài Loan lao động nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thuyên giảm mà vẫn tiếp diễn, tranh cãi. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh chị không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm để xây dựng cuộc hôn nhân hạnh phúc, đời sống chung rơi vào tình trạng bế tắc không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Anh T xác định trong thời gian sống tại Đài Loan vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, chuyện bé xé ra to. Tuy nhiên anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh đề nghị có thêm thời gian để khuyên bảo chị L nhưng không có kết quả. Bên cạnh đó bà Lý và ông Đ cũng xác định vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra xô xát bất hòa, vợ chồng không còn tình cảm, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị Lan được ly hôn anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L, anh T có 01 con chung là Nguyễn Nhật V, sinh ngày 06/06/2022, hiện đang ở với ông Đ. Chị L có nguyện vọng

được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Phạm Hữu Đ thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhật V cho đến khi chị về nước. Anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên hiện anh vẫn đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bà L đề nghị ông bà thông gia tiếp tục chăm sóc cháu V trong thời gian anh T, chị L chưa về nước. Như vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển thuận lợi của cháu Nguyễn Nhật V, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị L, anh T đều xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc L, xử cho chị Phạm Thị Ngọc L ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật V, sinh ngày 06/06/2022 cho chị Phạm Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Nguyễn Nhật Vũ cho ông Phạm Hữu Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị L về nước.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*

đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0006738 ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự khu vực 11 - Hải Phòng (do chị Vương Thị Lan A nộp thay). Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc L và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Hữu Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- UBND xã N, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện